

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Năm báo cáo: 2013

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101275603
- Vốn điều lệ: 27.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 27.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-4) 37534862
- Số fax: (84-4) 38361898
- Website: <http://www.vangthanglong.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VTL

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiền thân là Xí nghiệp nước giải khát Thăng Long ra đời ngày 24 tháng 3 năm 1989 trực thuộc Công ty Rượu bia Hà Nội.
- Ngày 16/8/1993: Đổi tên thành Công ty Rượu nước giải khát Thăng Long.
- Năm 2001, thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Thăng Long theo Quyết định số 54/2001/QĐ-TTg ngày 23/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Công ty Cổ phần Thăng Long với số vốn điều lệ ban đầu 11,6 tỷ đồng.
- Tháng 11/2003: Công ty tăng vốn lên 14.047.100.727 đồng.
- Năm 2005: Công ty tăng vốn lên 18.000.000.000 đồng
- Ngày 14/7/2005: Cổ phiếu Công ty được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 25/5/2009: Đổi tên Công ty cổ phần Thăng Long thành Công ty cổ phần Vang Thăng Long (Giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 8 số 0103001012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/5/2009).
- Ngày 22/10/2009: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long, vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104008334), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Ngày 19/6/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 27.000.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2013: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư địa ốc Thăng Long, vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106328714), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất rượu vang.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng).
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng).



- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa).
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô).
- Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản thức ăn đông lạnh; Sản xuất các mặt hàng công nghệ phẩm).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh; Kinh doanh xuất nhập khẩu thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm; Buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm; Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống; Kinh doanh thực phẩm chế biến).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy hải sản).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, thủy hải sản; Sản xuất các mặt hàng tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Ký gửi hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở; Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền SX nước giải khát có gas).
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn).
- Bán buôn gạo (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực; Kinh doanh lương thực).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ; Buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nhựa, hàng tiêu dùng; Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất; Buôn bán các mặt hàng nhựa).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc; Buôn bán hàng may mặc đồ da và giả da).
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế).
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke))
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Buôn bán vật liệu và thiết bị xây dựng).
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc đồ da và giả da).
- In ấn (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm in các loại).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Buôn bán sản phẩm in các loại).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không có cồn).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì).
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh).

- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

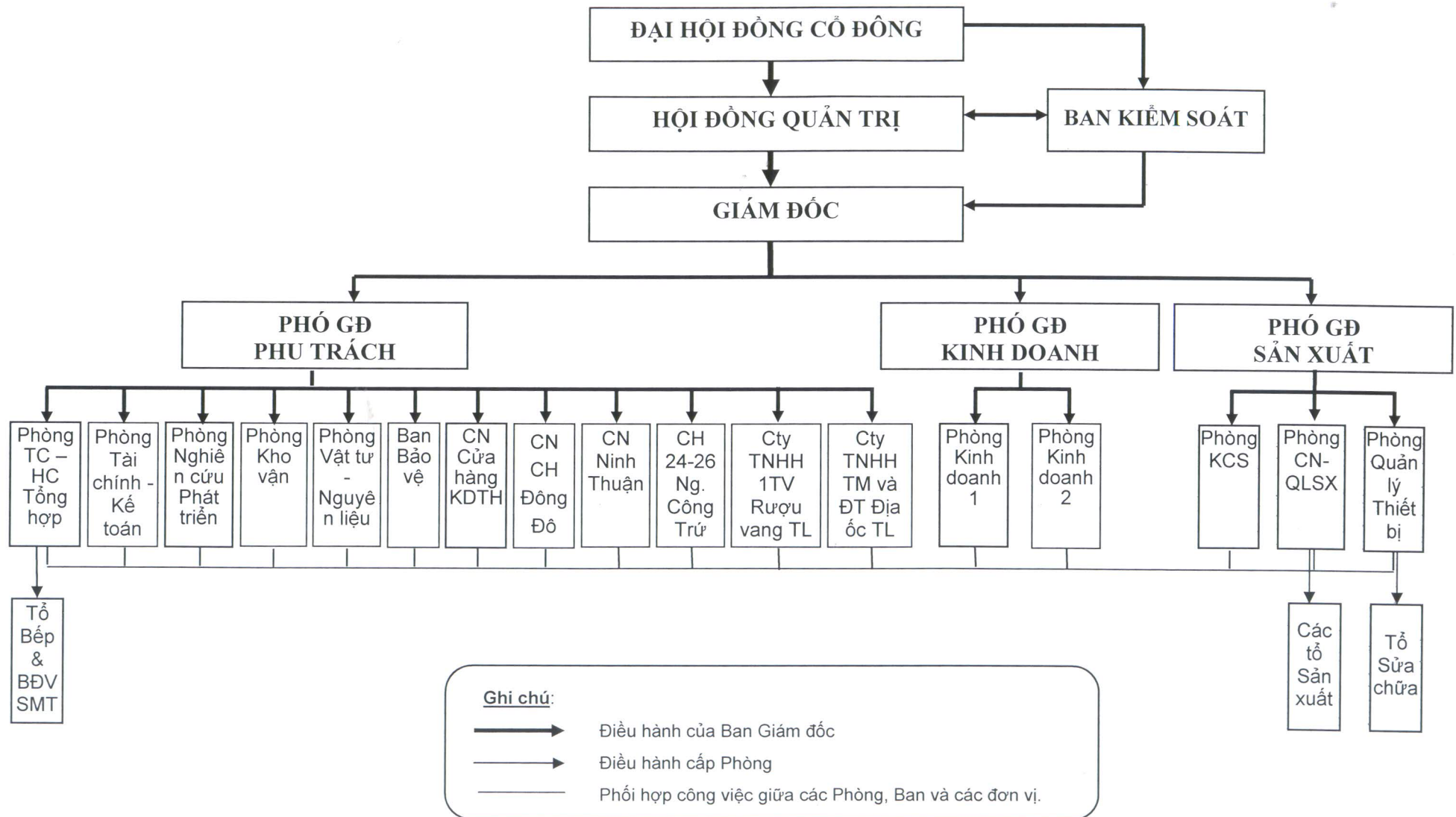
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và các Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

4.2. Hệ thống chi nhánh:

- Chi nhánh Cửa hàng kinh doanh Tổng hợp
Địa chỉ: Số 181 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Chi nhánh Cửa hàng Đông Đô
Địa chỉ: Số 40 Phố Huế, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Ninh Thuận
Địa chỉ: Số 62A Lê Duẩn, TP Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

4.3. Công ty con:

4.3.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long

- Địa chỉ: Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

4.3.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long

- Địa chỉ: Số 343 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ thực góp: 6.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long thành Công ty vững mạnh, chuyên nghiệp, phấn đấu trở thành một Công ty cung cấp rượu vang hàng đầu Việt Nam.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, HACCP và ISO 14001:2004.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm Vang Thăng Long, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường theo thói quen tiêu dùng quốc tế hướng tới xuất khẩu sang thị trường khu vực và các nước Châu Á.
- Củng cố, phát triển vùng nguyên liệu sạch, chất lượng cao tại các tỉnh phía Nam đồng thời xây dựng và mở rộng tại các tỉnh phía Bắc để chủ động nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- Củng cố, hoàn thiện kênh phân phối, có chính sách hợp lý và linh hoạt đối với các đối tượng khách hàng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Xây dựng chi phí hợp lý, thực hành tiết kiệm, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành sản xuất - kinh doanh.
- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu phát triển thị trường.

*** Mục tiêu trước mắt:**

- Giữ vững sự ổn định phát triển sản xuất kinh doanh, phát huy tính tự chủ, độc lập, sáng tạo đoàn kết nhằm tăng cường sức mạnh nội lực.
- Đẩy mạnh phát triển thị trường đối với sản phẩm Vang Thăng Long trên toàn quốc.
- Thúc đẩy tiến độ các dự án xây dựng để sớm đưa vào khai thác, sử dụng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh để thương hiệu Vang Thăng Long ngày càng được khẳng định trên thị trường, giành được sự quan tâm và tin tưởng của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

5.2. Chiến lược phát triển:

- Mở rộng hệ thống tiêu thụ trong nước.
- Phát triển hệ thống đại lý quốc tế.
- Duy trì và không ngừng phát triển thương hiệu Vang Thăng Long có uy tín cao tại thị trường Việt Nam, trong khu vực và Châu Á.
- Đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất Vang Thăng Long.
- Mở rộng đầu tư xây dựng, kinh doanh văn phòng, nhà ở.
- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2015 từ 13% đến 15%.

6. Các rủi ro:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vang Thăng Long là sản xuất các loại rượu Vang - các sản phẩm được lên men từ các loại trái cây nhiệt đới sẵn có của Việt Nam như: Dâu, mơ, sơn tra, dứa, nho...

Vì vậy, điều kiện về thời tiết là một trong những yếu tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng và giá thành của sản phẩm.

Ngoài ra, các rủi ro về giá cả, tín dụng và thị trường cũng có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013:

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Năm 2013 là một năm rất khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế, làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua; lãi suất ngân hàng tuy đã giảm còn 12%/năm, nhưng khả năng tiếp cận nguồn vốn còn gặp nhiều khó khăn do giá trị tài sản còn lại thấp; dòng tiền hạn chế, vòng quay vốn kéo dài do tính chất mùa vụ của sản phẩm ngày càng thể hiện rõ nét. Sản phẩm Vang Thăng Long còn chịu sự cạnh tranh gay gắt với những sản phẩm cùng ngành sản xuất trong nước và những sản phẩm cùng loại nhập khẩu với giá bán thấp đặc biệt là vang Chile; ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của những quy định về quản lý Nhà Nước như việc dán tem thuế trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm (*do chi phí mua tem và chi phí sản xuất*); đồng thời làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc mua hàng trong Hệ thống phân phối do thời gian cung cấp tem và quy định sản phẩm lưu thông trên thị trường...

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty năm 2013** đạt được như sau: (*Chi tiết xem Báo cáo Kết quả SXKD hợp nhất năm 2013*)

+ Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 114,2 tỷ đồng, giảm 11,1% so với năm 2012 và đạt 76,1% so với kế hoạch năm 2013 (Kế hoạch: 150 tỷ đồng).

+ Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 1,58 tỷ đồng, tăng 166,9% so với năm 2012 và đạt 28,7% so với kế hoạch (Kế hoạch: 5,5 tỷ đồng).

+ Lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 1,44 tỷ đồng, tăng 160% so với năm 2012 và đạt 34,9% so với kế hoạch (Kế hoạch: 4,125 tỷ đồng).

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

* Danh sách Ban điều hành trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 (Trước ngày 14/3/2014):

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Nghiêm Xuân Thụy	Giám đốc	98.445	3,65%	Ông Nghiêm Xuân Thụy thôi giữ chức vụ Giám đốc kể từ ngày 14/3/2013.
2	Tô Thanh Huyền	Phó giám đốc			
3	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc			
4	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,02%	

* Danh sách Ban điều hành sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 (Từ ngày 14/3/2014):

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Tô Thanh Huyền	Phó giám đốc			
2	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc			
3	Vũ Minh Đức	Phó giám đốc			Bỏ nhiệm 04/6/2013
4	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,02%	

* **Tóm tắt lý lịch Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2014:**

2.1.1.

Họ và tên: **Tô Thanh Huyền** Giới tính: Nữ
Họ và tên thường gọi: Tô Thanh Huyền
Sinh ngày: 01 tháng 09 năm 1961
Quê quán: Thụy Hà, Thái Thụy, Thái Bình
Nơi thường trú: Số 8, Ô Quan Chưởng, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Tôn giáo: Không
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
Trình độ chính trị: Trung cấp
Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long
Chức vụ: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc thường trực Công ty
Tóm tắt quá trình học tập, công tác
- 1979 - 1983: Học tại Trường Trung cấp quản lý kinh tế
- 1983 - 1988: Kế toán Phòng Thương nghiệp Quận Hoàn Kiếm
- 1988 - T4/1994: Kế toán Công ty quản lý các chợ Hoàn Kiếm
- 1994 - 1999: Học tại chức Trường ĐH Tài chính kế toán
- T5/1994 - T4/2003: Phụ trách kế toán Ban quản lý chợ Hàng Da
- T5/2003 - T9/2005: Phó phòng kế toán tài chính Công ty sản xuất - dịch vụ và XNK Nam Hà Nội.
Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thăng Long
- T10/2005 - T2/2009: Trưởng phòng Kế toán Tài chính Tổng công ty Thương mại Hà Nội
- T3/2009 - T4/2012: Kế toán trưởng, Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán Tổng công ty Thương mại Hà Nội
- T4/2008 - T4/2012: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- T5/2012 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

2.1.2.

Họ và tên: **Phạm Văn Vinh** Giới tính: Nam
Họ và tên thường gọi: Phạm Văn Vinh
Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1976
Quê quán: Xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, Hải Dương
Nơi thường trú: Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Tôn giáo: Không
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sinh học
Trình độ chính trị: Sơ cấp
Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long
Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- 1995 - 1999: Học tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội
- T3/2001 - T5/2004: Cán bộ nghiên cứu, Phòng Nghiên cứu - Đầu tư - Phát triển Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2004 - T5/2006: Cán bộ kỹ thuật, Phòng Công nghệ - Quản lý sản xuất Công ty Cổ phần Thăng Long
- T6/2006 - T12/2006: Cán bộ kỹ thuật, Phòng Công nghệ - Quản lý hệ thống Công ty Cổ phần Thăng Long
- T1/2007 - T6/2009: Phó phòng Công nghệ - Nghiên cứu sản phẩm Công ty Cổ phần Thăng Long
- T7/2009 - T5/2012: Trưởng phòng Công nghệ - Quản lý sản xuất Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- T6/2012 đến nay: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

2.1.3.

Họ và tên: **Vũ Minh Đức** Giới tính: Nam
Họ và tên thường gọi: Vũ Minh Đức
Sinh ngày: 23 tháng 04 năm 1980
Quê quán: Xã Chí Minh, Huyện Chí Linh, Tỉnh Hải Dương
Nơi thường trú: Phòng 1010, H2, Khu đô thị Việt Hưng, Quận Long Biên, TP Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Tôn giáo: Không
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Trình độ chính trị: Sơ cấp
Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long
Chức vụ: Phó giám đốc Công ty

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T8/1998 - T6/2002: Học Trường Đại học kinh tế quốc dân - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- T8/2002 - T8/2004: Chuyên viên bán hàng - Công ty TNHH Phú Thái
- T9/2004 - T8/2005: Giám sát bán hàng - Công ty PepsiCo Việt Nam
- T9/2005 - T4/2007: Giám sát bán hàng - Công ty Coca - Cola Việt Nam
- T5/2007 - T4/2008: Giám sát bán hàng - Công ty Unilever Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- T5/2008 - T5/2009: Trưởng KD khu vực (BUM) - Công ty CP Thực phẩm dinh dưỡng Đồng Tâm - Nutifood
- T6/2009 - T5/2013: Trưởng phòng KD - Công ty TNHH Đa Lộc
- T6/2013 đến nay: Phó giám đốc Kinh doanh - Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

2.1.4.

Họ và tên: **Trần Thị Hoàng Liên** Giới tính: Nữ
Họ và tên thường gọi: Trần Thị Hoàng Liên
Sinh ngày: 15 tháng 08 năm 1974
Quê quán: Quảng Minh, Quảng Trạch, Quảng Bình
Nơi thường trú: Số 27 gác 235/15 Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Tôn giáo: Không
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Trình độ chính trị: Trung cấp
Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long
Chức vụ: Kế toán trưởng

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T9/1992 - 1996: Học Trường Đại học kinh tế quốc dân - Chuyên ngành Kinh tế quốc tế
- T12/1996 - T4/2001: Nhân viên Phòng Hành chính Công ty Rượu - NGK Thăng Long
- T4/2001 - T5/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T5/2006: Quyền trưởng Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T6/2007: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- T5/2006 - 30/1/2008: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- 31/1/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

*** Những thay đổi trong Ban điều hành:**

- Ông Nghiêm Xuân Thụy thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 14/3/2013, .
- Ngày 04/6/2013: Bổ nhiệm Ông Vũ Minh Đức làm Phó giám đốc phụ trách kinh doanh.

2.2. Số lượng CNCV:

STT	Đơn vị	01/01/2013	31/3/2014	Ghi chú
1	Khối Vang	173	160	
3	Chi nhánh CH KDTH	6	6	
4	Chi nhánh CH Đông Đô	9	7	
6	Chi nhánh Ninh Thuận	2	3	
	Tổng cộng	199	176	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình thực hiện các dự án:

- Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đang tiếp tục triển khai các dự án:
- + Dự án 343 Lạc Long Quân: Công ty đã tìm được đối tác để chuyển nhượng dự án và đang tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển nhượng dự án đảm bảo đạt mang lại hiệu quả cao nhất.
 - + Dự án 181 Lạc Long Quân: Tiếp tục xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

3.2. Công ty con:

Năm 2013 vẫn là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế Việt Nam do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế toàn cầu nên hoạt động kinh doanh năm 2013 của các Công ty con của Công ty gặp không ít khó khăn trong việc tiêu thụ hàng hóa và tìm kiếm đối tác kinh doanh.

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, các Công ty con cũng thực hiện thay đổi niên độ kế toán. Theo đó, niên độ kế toán của các Công ty con gồm 12 tháng được bắt đầu từ ngày 01/4 và kết thúc vào ngày 31/3 năm sau. Riêng năm 2013, niên độ kế toán gồm 15 tháng từ ngày 01/1/2013 đến 31/3/2014.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con đạt được như sau:

3.2.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long:

Nội dung	TH 2012	TH 2013	So sánh TH 2013/2012
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	92,70	78,15	84,3%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	85,62	68,22	79,7%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	0,15	0,44	293,3%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0,11	0,33	300,0%

3.2.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long:

Nội dung	TH 2012	TH 2013	So sánh TH 2013/2012
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	0	0	
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0	0	

4. Tình hình tài chính:**a) Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	121.887.470.910	102.200.744.088	83,8%
Doanh thu thuần	105.650.294.678	91.472.747.909	86,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1.133.459.914	-226.227.842	
Lợi nhuận khác	-1.222.929.396	1.810.491.178	248,1%
Lợi nhuận trước thuế	-2.356.389.310	1.584.263.336	167,2%
Lợi nhuận sau thuế	-2.396.360.572	1.436.161.615	159,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		4,5%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,14	1,19	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,71	0,39	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,76	0,70	
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	3,03	2,36	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	1,04	1,23	
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,67	0,9	
4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,02	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	-0,08	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	-0,02	0,014	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	-0,01	-0,002	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1. Cổ phần:**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần: 2.700.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành và cổ phiếu quỹ:

Loại cổ phiếu	Từ 01/01/2013 đến 18/6/2013	Từ 19/6/2013 đến 31/3/2013
1. Cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	2.700.000
2. Cổ phiếu quỹ	0	0
Tổng cộng	1.800.000	2.700.000

5.2. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 06/5/2014:

- Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn	1.844.955	68,3%	4
Cổ đông nhỏ	855.045	31,7%	293
Tổng cộng	2.700.000	100%	297

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông tổ chức	1.161.385	43%	9
Cổ đông cá nhân	1.538.615	57%	288
Tổng cộng	2.700.000	100%	297

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước	2.626.500	97,28%	273
Cổ đông nước ngoài	73.500	2,72%	24
Tổng cộng	2.700.000	100%	297

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông nhà nước	1.079.955	40%	1
Cổ đông khác	1.620.045	60%	296
Tổng cộng	2.700.000	100%	297

(Cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, ngày 19/6/2013 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 18.000.000.000 đồng lên 27.000.000.000 đồng theo phương án phát hành cổ phiếu thường với tỷ lệ 2:1.

Nguồn tăng:	- Từ quỹ đầu tư phát triển:	8.805.595.673 đồng
	- Từ Thặng dư vốn cổ phần:	21.088.000 đồng
	- Từ lợi nhuận chưa phân phối:	173.316.327 đồng

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**1. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

Một số chỉ tiêu chủ yếu: (Số liệu đã được kiểm toán và chưa được quyết toán thuế)

TT	Chỉ tiêu	KH năm tài chính 2013	TH năm tài chính 2013	Tỷ lệ đạt (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	150,0	114,2	76,1
2	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	124,0	91,5	73,8
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	5,5	1,58	28,7
4	Thuế TNDN (tỷ đồng)	1,375	0,148	10,6
5	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	4,125	1,436	34,7
6	Thu nhập BQ NLĐ/tháng (Lao động chủ yếu khối Vang) - triệu đồng/người/tháng		4,7	
7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	8-10	4,5	56,25

2. Lợi nhuận và phân chia lợi nhuận năm 2013:**2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:**

- Tổng doanh thu hoạt động SXKD chính: 114.156.840.887 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 1.584.263.336 đồng
- Thuế TNDN: 148.101.721 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1.436.161.615 đồng

2.2. Phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2013:

- Thực hiện chia cổ tức 4,5%: 1.215.000.000 đồng
- Số còn lại của lợi nhuận sau thuế, chờ quyết toán thuế xong sẽ bổ sung quỹ khen thưởng và phúc lợi: 221.161.615 đồng

3. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư:

Dự án	KQ thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo
1. Dự án 343 Lạc Long Quân	Công ty đã tìm được đối tác để chuyển nhượng dự án. Đang trong tiến trình thực hiện các thủ tục của hợp đồng chuyển nhượng dự án.
2. Dự án 181 Lạc Long Quân.	Tiếp tục xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư.

4. Phương hướng nhiệm vụ 2014:

4.1. Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát:

- Tiếp tục thực hiện Tái cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động kinh doanh đảm bảo mục tiêu “*Tinh - gọn - hiệu quả*”
- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu vào cũng như các chi phí trong quá trình sản xuất, dựa vào lợi thế quy mô của Công ty để lựa chọn, đàm phán với các nhà cung cấp hàng hóa;
- Kiểm soát hàng hóa tồn kho để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả;
- Tiếp tục thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tận thu các nguồn lực tài chính;
- Từng bước thiết lập và quản trị kênh phân phối chuyên nghiệp để nâng cao khả năng cạnh tranh, phát triển sản phẩm; tăng cường các biện pháp marketing để nâng cao khả năng nhận diện sản phẩm và phát triển thương hiệu;
- Đầu tư nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc thị trường;
- Quyết tâm triển khai các dự án theo lộ trình đã lập;
- Nâng cao hiệu quả công việc, duy trì, ổn định việc làm, thu nhập cho CB CNV trong Công ty;
- Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên tích cực phối hợp hoạt động đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ đề ra năm 2014;

4.2. Chỉ tiêu kế hoạch :

- | | |
|-------------------------|--------------|
| - Tổng doanh thu | 110 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 3.0 tỷ đồng |
| - Cổ tức: | Tối thiểu 6% |

4.3. Công tác đầu tư :

- Thực hiện các lộ trình để chuyển nhượng dự án 343 Lạc Long Quân đảm bảo hiệu quả.
- Tiếp tục xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư tại 181 Lạc Long Quân.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty năm 2013:

1.1. Những khó khăn nổi bật của Công ty trong năm tài chính 2013:

Trong năm tài chính 2013, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long cũng chịu các khó khăn chung của nền kinh tế như là sức cầu suy giảm, lãi tín dụng tuy đã giảm nhưng vẫn khó tiếp cận. Đồng thời, Công ty còn chịu thêm khó khăn riêng của ngành nghề là: Vụ ngộ độc rượu gây chết người của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu 29 Hà Nội làm người tiêu dùng một phần nào xa lánh với rượu nội; Việc tất cả các sản phẩm rượu sản xuất trong nước lưu hành trên thị trường từ ngày 01/01/2014 đều phải dán tem đã gây lúng túng cho toàn hệ thống phân phối do một số lượng lớn hàng hóa đang lưu thông trên thị trường thì việc dán tem là rất khó thực hiện đã ảnh hưởng nhiều tới doanh thu của Công ty.

1.2. Những kết quả đạt được trong năm tài chính 2013:

Với sự nỗ lực, tâm huyết với Công ty, các thành viên HĐQT Công ty thống nhất tập trung chỉ đạo Ban điều hành xây dựng phương án tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và đã đạt được những kết quả nhất định như sau:

- Thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 18 tỷ đồng lên 27 tỷ đồng.

- Hoàn thành các thủ tục thay đổi niên độ kế toán của Công ty: Từ 01/01/2013 niên độ kế toán của Công ty thay đổi như sau:

+ Năm tài chính của Công ty là 12 tháng tròn (bắt đầu từ ngày 01/4/N đến hết ngày 31/3/N+1).

+ Riêng năm tài chính 2013 được tính từ 01/01/2013 đến hết ngày 31/3/2014 là 15 tháng.

- Ổn định hoạt động sản xuất vang ngọt truyền thống và đặc biệt là đã hoàn thiện bộ sản phẩm vang chất đưa ra thị trường được các chuyên gia và người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng gồm: Vang Classic, Vang Special, Vang Premier.

- Đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước: Năm 2013, Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước 36,7 tỷ đồng.

- Hoàn thành việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Tháng 9/2013.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:

+ Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 114,2 tỷ đồng, đạt 76,1% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 giao.

+ Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 1,58 tỷ đồng, đạt 28,7 % so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 giao.

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 1,44 tỷ đồng, đạt 34,9% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 giao.

+ Cổ tức đạt 4,5 % (Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013: 8% - 10%)

- Hoàn thành việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Tháng 9/2013.

2. Phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm tài chính 2014:

- Bám sát mục tiêu của Công ty đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 là: Xây dựng một Công ty vững mạnh, chuyên nghiệp, phấn đấu trở thành một Công ty cung cấp rượu vang hàng đầu Việt Nam. Đưa quy mô doanh nghiệp từ tầm nhỏ lên tầm vừa.

- Sản phẩm vang ngọt nhãn vàng truyền thống vẫn là sản phẩm chủ đạo của Công ty; Tiếp tục hoàn thiện bộ sản phẩm vang chất và triển khai các chương trình marketing và bán hàng đưa sản phẩm dần phủ kín thị trường; Hoàn thiện và đa dạng hóa sản phẩm Vodka để nhanh chóng đưa sản phẩm ra thị trường; Từng bước nghiên cứu các loại nước giải khát chuẩn bị cho cơ hội vào thị trường trong tương lai.

- Củng cố hệ thống phân phối đã có, từng bước mở rộng thị trường ra các địa bàn còn trống đối với thị trường phía bắc và xây dựng một số nhà phân phối có triển vọng ở thị trường phía nam; Đa dạng các kênh bán hàng.

- Tiết giảm tối đa các chi phí chưa hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Từng bước tăng vòng quay vốn dần phá vỡ tính thời vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

* Danh sách thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2013 đến ngày 14/3/2013: HĐQT gồm 05 thành viên:

1. Ông Phạm Xuân Hà

- Chủ tịch HĐQT

2. Ông Chu Xuân Kiên - Ủy viên
3. Ông Nghiêm Xuân Thụy - Ủy viên
4. Bà Tô Thanh Huyền - Ủy viên
5. Ông Đỗ Mạnh Hùng - Ủy viên

* Danh sách thành viên HĐQT từ ngày 14/3/2013 đến 31/3/2014:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tổ chức ngày 14/3/2013, Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu HĐQT nhiệm kỳ 2013 - 2018 gồm các thành viên:

1. Ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Chu Xuân Kiên - Ủy viên
3. Bà Tô Thanh Huyền - Ủy viên
4. Ông Đỗ Mạnh Hùng - Ủy viên
5. Bà Phan Thị Bích Ngọc - Ủy viên

Ông Phạm Xuân Hà tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT.

1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT trong năm 2013:

Trong năm tài chính 2013, HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long vẫn luôn đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật.

Chủ tịch HĐQT là người chủ trì các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp HĐQT mở rộng có sự tham gia của các cán bộ chủ chốt. Thông qua các báo cáo của Ban giám đốc và các cán bộ chủ chốt, HĐQT Công ty nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và cùng bàn bạc, thảo luận giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc giải quyết những vướng mắc, khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện các đường lối, chủ trương các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc Công ty được thực hiện thường xuyên căn cứ báo cáo của Ban Giám đốc Công ty tại các cuộc họp HĐQT. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ xem xét, thảo luận và đưa ra các quyết định phù hợp.

Trong năm tài chính 2013, HĐQT Công ty đã tiến hành triệu tập họp 20 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng.

Qua các cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng, HĐQT Công ty đã ban hành 7 Nghị quyết và 16 Quyết định chỉ đạo đối với các hoạt động của Công ty một cách kịp thời, cùng Ban điều hành thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một số vấn đề đã được HĐQT Công ty giải quyết trong năm:

- Triển khai thực hiện các chủ trương theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- Các quyết định về thay đổi về nhân sự và chức danh trong bộ máy quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT Công ty.
- Cử nhân sự đại diện vốn góp tại Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long và Công ty cổ phần Rượu Hapro.
- Góp vốn thành lập và cử đại diện vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư địa ốc Thăng Long.
- Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

2. Ban kiểm soát:**2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

* Danh sách thành viên Ban kiểm soát từ ngày 01/01/2013 đến ngày 14/3/2013:

1. Bà Đỗ Tuệ Tâm - Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Ủy viên
3. Ông Nguyễn Tiến Vĩnh - Ủy viên

* Danh sách thành viên Ban kiểm soát từ ngày 14/3/2013 đến 31/3/2014:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tổ chức ngày 14/3/2013, Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2018 gồm các thành viên:

1. Bà Trần Thu Hà - Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Ủy viên
3. Bà Nguyễn Bích Thu - Ủy viên

Bà Trần Thu Hà được bầu làm Trưởng ban kiểm soát.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Ban kiểm soát Công ty luôn theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban kiểm soát đã tổ chức các buổi làm việc tại Công ty để kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn và kiểm tra số liệu của báo cáo tài chính năm. Chuẩn bị đầy đủ số liệu để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2014:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	212.500.000	
2	Chu Xuân Kiên	Ủy viên HĐQT	51.000.000	
3	Tô Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc thường trực	478.880.191	
4	Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	51.000.000	
5	Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	34.500.000	
6	Trần Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	34.500.000	
7	Phạm Thị Ngọc Lan	Ủy viên BKS	118.996.541	
8	Nguyễn Bích Thu	Ủy viên BKS	154.007.610	
9	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc	286.545.834	
10	Vũ Minh Đức	Phó giám đốc	119.051.309	
11	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	302.845.777	

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên rút khỏi danh sách HĐQT, BKS trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 14/3/2014:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Nghiêm Xuân Thụy	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	213.177.979	
2	Đỗ Tuệ Tâm	Trưởng ban BKS	16.500.000	
3	Nguyễn Tiến Vĩnh	Ủy viên BKS	11.000.000	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/3/2014 của Công ty cổ phần Vang Thăng Long:

*** Đơn vị thực hiện kiểm toán:** Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội

*** Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán số: 218/2014/BCKT-AASCN ngày 16/5/2014 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31/3/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/3/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.893.309.927	53.242.116.446	99.418.970.052
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.867.623.577	6.377.788.802	30.383.233.328
1.	Tiền	111	V.01	4.117.623.577	6.377.788.802	24.533.233.328
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.750.000.000	-	5.850.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.092.321.559	10.911.782.871	31.288.828.779
1.	Phải thu khách hàng	131		14.971.846.936	6.020.040.580	29.258.688.554
2.	Trả trước cho người bán	132		1.746.733.761	3.568.549.808	1.250.244.596
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.373.740.862	1.323.192.483	783.018.694
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-	(3.123.065)
IV.	Hàng tồn kho	140		54.157.642.447	34.580.182.275	37.378.232.520
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	54.157.642.447	34.580.182.275	37.378.232.520
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		775.722.344	1.372.362.498	368.675.425
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.658.723	952.171.365	28.181.507
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		191.555.334	120.573.514	18.891.134
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	18.418.487	82.418.623	77.888.888
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	455.089.800	217.198.996	243.713.896

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.307.434.161	21.946.835.818	22.468.500.858
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		44.380.000	44.380.000	71.680.000
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.06	44.380.000	44.380.000	71.680.000
II.	Tài sản cố định	220		8.903.374.566	9.855.018.905	10.449.520.811
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.983.644.710	7.401.252.126	7.993.021.158
	- Nguyên giá	222		40.799.285.025	43.036.730.666	43.330.259.775
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34.815.640.315)	(35.635.478.540)	(35.337.238.617)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-	-
	- Nguyên giá	225		-	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	54.284.711	66.111.179	68.844.053
	- Nguyên giá	228		95.000.000	725.600.764	725.600.764
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.715.289)	(659.489.585)	(656.756.711)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	2.865.445.145	2.387.655.600	2.387.655.600
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.10	7.805.211.512	8.053.054.286	8.218.282.802
1.	Nguyên giá	241		8.261.425.803	8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(456.214.291)	(208.371.517)	(43.143.001)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.200.000.000	1.200.000.000	1.000.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.200.000.000	1.200.000.000	1.000.000.000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		3.354.468.083	2.794.382.627	2.729.017.245
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.354.468.083	2.794.382.627	2.729.017.245
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		102.200.744.088	75.188.952.264	121.887.470.910

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	* NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		71.812.245.339	47.267.816.975	93.003.332.561
I.	Nợ ngắn hạn	310		67.965.505.836	42.411.208.084	87.568.728.065
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	58.541.939.002	35.542.951.512	54.197.729.513
2.	Phải trả người bán	312		1.021.673.716	1.035.587.922	7.407.373.013
3.	Người mua trả tiền trước	313		3.999.000.000	114.999.347	414.516.625
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	649.207.895	2.189.934.481	19.537.422.773
5.	Phải trả người lao động	315		162.561.472	407.032.533	1.952.806.171
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	9.000.000	69.333.931	760.885.710
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	3.580.877.998	3.045.222.605	3.282.848.507
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.245.753	6.145.753	15.145.753
II.	Nợ dài hạn	330		3.846.739.503	4.856.608.891	5.434.604.496
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		1.065.258.273	1.065.258.273	853.753.786
3.	Phải trả dài hạn khác	333		17.782.142	17.782.142	576.973.978
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.17	2.763.699.088	3.684.932.112	3.915.240.368
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	88.636.364	88.636.364
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.388.498.749	27.921.135.289	28.884.138.349
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	30.299.438.749	27.921.135.289	28.884.138.349
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	21.088.000	21.088.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	8.805.595.673	8.805.595.673
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.863.277.098	1.863.277.098	1.863.277.098
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.436.161.651	(768.825.482)	194.177.578
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		89.060.000	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	V.19	89.060.000	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102.200.744.088	75.188.952.264	121.887.470.910

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		133.833.648	133.833.648	130.710.583
5.	Ngoại tệ các loại				
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
				Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	99.139.008.067	15.017.832.820	114.156.840.887	128.439.893.058
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	17.614.654.125	5.069.438.853	22.684.092.978	22.789.598.380
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	81.524.353.942	9.948.393.967	91.472.747.909	105.650.294.678
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	60.093.818.191	7.059.557.615	67.153.375.806	86.744.895.523
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.430.535.751	2.888.836.352	24.319.372.103	18.905.399.155
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	148.449.032	50.916.052	199.365.084	101.826.256
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	7.531.823.787	1.186.091.299	8.717.915.086	7.789.600.489
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.531.823.787	1.186.091.299	8.717.915.086	7.787.266.717
8.	Chi phí bán hàng	24		7.434.192.417	1.235.138.476	8.669.330.893	5.326.208.360
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.173.641.129	1.184.077.921	7.357.719.050	7.024.876.476
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		439.327.450	(665.555.292)	(226.227.842)	(1.133.459.914)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
				Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	2.573.609.223	3.731.487.274	6.305.096.497	30.048.062
12.	Chi phí khác	32	VI.08	486.531.492	4.008.073.827	4.494.605.319	1.252.977.458
13.	Lợi nhuận khác	40		2.087.077.731	(276.586.553)	1.810.491.178	(1.222.929.396)
14.	Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.526.405.181	(942.141.845)	1.584.263.336	(2.356.389.310)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	148.101.721	-	148.101.721	39.971.262
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.378.303.460	(942.141.845)	1.436.161.615	(2.396.360.572)
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.10	2.378.303.460	(942.141.845)	1.436.161.615	(2.396.360.572)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	881	(349)	532	(1.332)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
				Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		92.000.695.532	38.983.312.414	130.984.007.946	117.512.376.874
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(73.806.487.204)	(15.574.583.183)	(89.381.070.387)	(61.511.437.733)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.756.069.893)	(4.079.966.726)	(15.836.036.619)	(10.980.202.963)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(7.531.823.787)	(1.361.351.392)	(8.893.175.179)	(8.260.690.554)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(5.224.736)	(3.029.735)	(8.254.471)	(1.199.257.006)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.204.397.853	981.258.927	4.185.656.780	2.962.408.189
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.488.243.446)	(23.403.685.399)	(44.891.928.845)	(25.754.161.925)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.382.755.681)	(4.458.045.094)	(23.840.800.775)	12.769.034.882
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.694.522.133)	(650.235.184)	(2.344.757.317)	(1.648.814.904)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		340.909.091	138.406.766	479.315.857	496.364

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
				Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(200.000.000)	(200.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		148.449.032	49.515.243	197.964.275	95.781.739
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.205.164.010)	(662.313.175)	(1.867.477.185)	(1.552.536.801)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính							
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	32.888.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		96.811.222.680	16.389.859.098	113.201.081.778	72.297.720.155
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(74.733.468.214)	(35.274.945.355)	(110.008.413.569)	(56.834.860.199)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	(1.798.820.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		22.077.754.466	(18.885.086.257)	3.192.668.209	13.696.927.956

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
				Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.489.834.775	(24.005.444.526)	(22.515.609.751)	24.913.426.037
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.377.788.802	30.383.233.328	30.383.233.328	5.469.807.291
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.867.623.577	6.377.788.802	7.867.623.577	30.383.233.328

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

04. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/3/2014	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Tại ngày 31/3/2014	Tại ngày 01/01/2013
- Công ty TNHH 1 TV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	-

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm 2012 trở về trước, năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Công ty áp dụng năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

02. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

03. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

04. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

05. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
- TSCĐ hữu hình khác	8 - 12 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	8 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn (theo thời gian sử dụng)	21 năm
- Phần mềm máy vi tính	8 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

25 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Tiền mặt	1.218.102.417	1.159.706.774	1.977.585.601
- Tiền gửi ngân hàng	2.899.521.160	5.218.082.028	22.555.647.727
Cộng	4.117.623.577	6.377.788.802	24.533.233.328

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Phải thu người lao động	-	-	16.546.595
- Phải thu khác	1.373.740.862	1.323.192.483	766.472.099
Cộng	1.373.740.862	1.323.192.483	783.018.694

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Hàng tồn kho

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Nguyên liệu, vật liệu	6.553.511.207	7.148.757.608	8.906.713.288
- Công cụ, dụng cụ	408.131.342	348.802.991	394.768.553
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.773.783.044	15.975.930.503	17.860.933.413
- Thành phẩm	18.734.236.399	8.810.743.631	8.157.109.779
- Hàng hoá	1.137.239.091	1.293.941.907	1.241.292.273
- Hàng gửi đi bán	550.741.364	1.002.005.635	817.415.214
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	54.157.642.447	34.580.182.275	37.378.232.520

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	818.269	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	17.600.218	80.918.623	77.888.888
Cộng	18.418.487	82.418.623	77.888.888

05. Tài sản ngắn hạn khác

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-
- Tạm ứng	455.089.800	217.198.996	243.713.896
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-
Cộng	455.089.800	217.198.996	243.713.896

06. Phải thu dài hạn khác

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Cho vay không có lãi	-	-	-
- Phải thu dài hạn khác	44.380.000	44.380.000	71.680.000
Cộng	44.380.000	44.380.000	71.680.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư tại ngày 01/01/2013</i>	<i>11.117.282.495</i>	<i>27.216.121.995</i>	<i>3.175.314.158</i>	<i>822.733.105</i>	<i>998.808.022</i>	<i>43.330.259.775</i>
- Mua trong kỳ	67.000.000	886.759.364	-	95.961.140	270.012.084	1.319.732.588
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(21.905.147)	(1.330.047.429)	(808.792.364)	(58.972.572)	-	(2.219.717.512)
- Giảm khác	(190.311.586)	(784.675.672)	(43.876.804)	(510.481.855)	(101.643.909)	(1.630.989.826)
<i>Số dư tại ngày 31/3/2014</i>	<i>10.972.065.762</i>	<i>25.988.158.258</i>	<i>2.322.644.990</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.167.176.197</i>	<i>40.799.285.025</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư tại ngày 01/01/2013</i>	<i>8.942.175.932</i>	<i>22.781.813.854</i>	<i>2.054.984.820</i>	<i>622.572.155</i>	<i>935.691.856</i>	<i>35.337.238.617</i>
- Khấu hao trong kỳ	307.327.827	1.943.472.778	254.503.626	105.192.331	106.037.843	2.716.534.405
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	(13.471.940)	-	-	13.471.940	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(21.905.147)	(1.079.906.889)	(701.770.605)	(36.742.572)	-	(1.840.325.213)
- Giảm khác	(184.494.909)	(713.160.297)	(41.278.488)	(374.127.210)	(84.746.590)	(1.397.807.494)
<i>Số dư tại ngày 31/3/2014</i>	<i>9.029.631.763</i>	<i>22.932.219.446</i>	<i>1.566.439.353</i>	<i>330.366.644</i>	<i>956.983.109</i>	<i>34.815.640.315</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Số dư tại ngày 01/01/2013</i>	<i>2.175.106.563</i>	<i>4.434.308.141</i>	<i>1.120.329.338</i>	<i>200.160.950</i>	<i>63.116.166</i>	<i>7.993.021.158</i>
<i>2. Số dư tại ngày 31/3/2014</i>	<i>1.942.433.999</i>	<i>3.055.938.812</i>	<i>756.205.637</i>	<i>18.873.174</i>	<i>210.193.088</i>	<i>5.983.644.710</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 6.740.360.572 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư tại ngày 01/01/2013</i>	255.498.856	252.000.000	183.101.908	35.000.000	725.600.764
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(255.498.856)	(252.000.000)	(113.101.908)	-	(620.600.764)
- Giảm khác	-	-	(10.000.000)	-	(10.000.000)
<i>Số dư tại ngày 31/3/2014</i>	-	-	60.000.000	35.000.000	95.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư tại ngày 01/01/2013</i>	254.267.238	252.000.000	149.991.210	498.263	656.756.711
- Khấu hao trong kỳ	1.231.618	-	7.149.357	5.468.745	13.849.720
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(255.498.856)	(252.000.000)	(113.891.274)	-	(621.390.130)
- Giảm khác	-	-	(8.501.012)	-	(8.501.012)
<i>Số dư tại ngày 31/3/2014</i>	-	-	34.748.281	5.967.008	40.715.289
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Số dư tại ngày 01/01/2013</i>	1.231.618	-	33.110.698	34.501.737	68.844.053
<i>2. Số dư tại ngày 31/3/2014</i>	-	-	25.251.719	29.032.992	54.284.711

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727	929.691.727
- Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328	973.659.328
- Công trình 343 Lạc Long Quân	60.775.000	-	-
- Công trình 323 Vĩnh Hưng	901.319.090	484.304.545	484.304.545
Cộng	2.865.445.145	2.387.655.600	2.387.655.600

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư tại 01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư tại 31/3/2014
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	43.143.001	413.071.290	-	456.214.291
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	43.143.001	413.071.290	-	456.214.291
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	8.218.282.802	-	413.071.290	7.805.211.512
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.218.282.802	-	413.071.290	7.805.211.512
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Giá trị bất động sản đầu tư là xưởng sản xuất nhựa tại cụm Công nghiệp Thực phẩm Hapro.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Đầu tư dài hạn khác

	31/3/2014		01/4/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		1.200.000.000		1.200.000.000		1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Thăng Long (*)	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000	-	-
Cộng		1.200.000.000		1.200.000.000		1.000.000.000

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Thăng Long theo Nghị quyết số 57/QĐ/CPVTL ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vang Thăng Long với số vốn cam kết góp là 200.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu tương ứng là 4,8% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Thăng Long.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ	637.692.366	457.791.151	383.507.481
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.716.775.717	2.336.591.476	2.345.509.764
Cộng	3.354.468.083	2.794.382.627	2.729.017.245

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/3/2014</u>	<u>01/4/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Vay ngắn hạn	58.541.939.002	35.542.951.512	54.197.729.513
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>42.700.880.561</i>	<i>19.496.162.600</i>	<i>33.451.644.701</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Tây Hồ ^(a)	7.114.912.109	4.661.986.786	9.702.820.939
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hai Bà Trưng ^(b)	14.583.571.045	9.398.812.081	11.519.890.833
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	9.997.980.742	-	6.256.882.858
+ Ngân hàng TMCP Đông Á ^(d)	10.537.872.497	3.435.363.733	4.033.186.731
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ^(e)	466.544.168	2.000.000.000	1.938.863.340
- <i>Vay đối tượng khác</i> ^(f)	<i>15.841.058.441</i>	<i>16.046.788.912</i>	<i>20.746.084.812</i>
+ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	-	-	7.700.000.000
+ Công ty TM dịch vụ Tràng Thi	3.000.000.000	-	-
+ Công ty TNHH Nhà nước 1 TV Thực Phẩm Hà Nội	-	3.000.000.000	-
+ Các cá nhân	12.841.058.441	13.046.788.912	13.046.084.812
Cộng	<u>58.541.939.002</u>	<u>35.542.951.512</u>	<u>54.197.729.513</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Tây Hồ nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội, lãi suất vay từ 11,5%/năm đến 12,5%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hai Bà Trưng nhằm mục đích vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay từ 11%/năm đến 11,7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 07 xe ô tô và 03 xe nâng hàng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu NVL phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất 11,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang và thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo theo Thư bảo lãnh số 41 ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội (Hapro) trị giá 8,8 tỷ đồng.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất 12%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng cam kết thanh toán bằng văn bản của Tổng Công ty thương mại Hà Nội theo giấy bảo lãnh số 40/BL-TCT-QTNS ngày 05 tháng 7 năm 2013, trị giá 2.000.000.000 đồng.
- (f) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 11%/năm đến 13,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	373.114.147	409.202.066	5.038.121.074
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	127.306.151
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	147.779.165	28.029.432	10.927.037.708
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	115.732.865
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	79.558.580	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	42.756.003	58.590.299	31.023.885
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	6.000.000	1.694.112.684	3.298.201.090
Cộng	649.207.895	2.189.934.481	19.537.422.773

15. Chi phí phải trả

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Trích trước chi phí vận chuyển	-	-	350.190.000
- Trích trước tiền xăng xe	-	4.633.931	53.744.801
- Trích trước tiền khám bệnh định kỳ	-	35.000.000	35.000.000
- Trích trước tiền thuê kho và xử lý rác thải	-	29.700.000	43.320.000
- Trích trước tiền quảng cáo	-	-	278.630.909
- Chi phí phải trả khác	9.000.000	-	-
Cộng	9.000.000	69.333.931	760.885.710

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Kinh phí công đoàn	-	97.240.841	94.624.841
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	203.603.201	-	31.486.167
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.377.274.797	2.947.981.764	3.156.737.499
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá</i>	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền lãi vay</i>	-	-	175.260.093
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	1.377.274.797	947.981.764	981.477.406
Cộng	3.580.877.998	3.045.222.605	3.282.848.507

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/3/2014</u>	<u>01/4/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Vay dài hạn	2.763.699.088	3.684.932.112	3.915.240.368
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>2.763.699.088</i>	<i>3.684.932.112</i>	<i>3.915.240.368</i>
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 ^(a)	2.763.699.088	3.684.932.112	3.915.240.368
- <i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>2.763.699.088</u>	<u>3.684.932.112</u>	<u>3.915.240.368</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 để xây dựng nhà xưởng tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản Quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác hình thành trên đất tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	18.000.000.000	21.088.000	8.805.595.673	1.863.277.098	194.177.578	28.884.138.349
Tăng vốn từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	-	-	-	-	(942.141.845)	(942.141.845)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(20.861.215)	(20.861.215)
Số dư tại ngày 31/3/2013	18.000.000.000	21.088.000	8.805.595.673	1.863.277.098	(768.825.482)	27.921.135.289
Số dư tại ngày 01/4/2013						
Tăng vốn từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	-	-	-	-	2.378.303.460	2.378.303.460
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại và các quỹ (*)	9.000.000.000	(21.088.000)	(8.805.595.673)	-	(173.316.327)	-
Giảm vốn từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/3/2014	27.000.000.000	-	-	1.863.277.098	1.436.161.651	30.299.438.749

(*): Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 01/CPVTL ngày 14 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	7.200.000.000	7.200.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	16.200.000.000	10.800.000.000	10.800.000.000
Cộng	27.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	9.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	2.700.000	1.800.000	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	1.800.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	1.800.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	1.800.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	1.800.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Nguồn kinh phí

	31/3/2014	01/4/2013	01/01/2013
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	205.400.000	-	-
- Chi sự nghiệp	(116.340.000)	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	89.060.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Doanh thu bán hàng hóa	27.835.042.253	1.786.432.095	29.621.474.348	25.206.848.495
- Doanh thu bán thành phẩm	66.513.452.902	12.053.671.067	78.567.123.969	102.738.581.898
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.506.337.166	922.779.223	4.429.116.389	494.462.665
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.284.175.746	254.950.435	1.539.126.181	-
Cộng	99.139.008.067	15.017.832.820	114.156.840.887	128.439.893.058

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Chiết khấu thương mại	-	1.631.739.728	1.631.739.728	6.457.499.503
- Hàng bán bị trả lại	6.929.906.768	1.366.739.620	8.296.646.388	620.587.764
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.684.747.357	2.070.959.505	12.755.706.862	15.711.511.113
Cộng	17.614.654.125	5.069.438.853	22.684.092.978	22.789.598.380

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	27.781.489.043	1.786.432.095	29.567.921.138	25.176.479.727
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	48.952.351.987	6.984.232.214	55.936.584.201	79.979.352.286
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.506.337.166	922.779.223	4.429.116.389	494.462.665
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	1.284.175.746	254.950.435	1.539.126.181	-
Cộng	81.524.353.942	9.948.393.967	91.472.747.909	105.650.294.678

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.887.822.801	1.567.668.146	28.455.490.947	24.711.293.753
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	30.025.720.583	4.698.305.318	34.724.025.901	61.849.632.883
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.674.195.729	710.969.893	3.385.165.622	183.968.887
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	506.079.078	82.614.258	588.693.336	-
Cộng	60.093.818.191	7.059.557.615	67.153.375.806	86.744.895.523

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	148.449.032	49.515.243	197.964.275	95.760.718
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.400.809	1.400.809	6.065.538
Cộng	148.449.032	50.916.052	199.365.084	101.826.256

06. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.531.823.787	1.186.091.299	8.717.915.086	7.787.266.717
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	-	2.333.772
Cộng	7.531.823.787	1.186.091.299	8.717.915.086	7.789.600.489

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Thu thanh lý vật tư, công cụ, dụng cụ tại Xưởng Nhựa	-	3.593.080.508	3.593.080.508	-
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.179.909.091	138.406.766	2.318.315.857	496.364
- Thu nhập khác	393.700.132	-	393.700.132	29.551.698
Cộng	2.573.609.223	3.731.487.274	6.305.096.497	30.048.062

08. Chi phí khác

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Giá trị còn lại của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	-	3.598.432.548	3.598.432.548	-
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	240.985.533	138.406.766	379.392.299	-
- Chi phí lương của Xưởng sản xuất nhựa năm 2011	-	-	-	1.070.154.626
- Chi phí khác	245.545.959	271.234.513	516.780.472	182.822.832
Cộng	486.531.492	4.008.073.827	4.494.605.319	1.252.977.458

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	148.101.721	-	148.101.721	39.971.262
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	148.101.721	-	148.101.721	39.971.262

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.378.303.460	(942.141.845)	1.436.161.615	(2.396.360.572)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.378.303.460	(942.141.845)	1.436.161.615	(2.396.360.572)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	2.700.000	2.700.000	1.799.175
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	881	(349)	532	(1.332)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.683.019.820	1.946.816.048	37.629.835.868	30.861.719.620
- Chi phí nhân công	14.573.562.886	3.405.105.896	17.978.668.782	15.226.233.554
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.527.289.985	616.746.524	3.144.036.509	2.497.174.860
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.455.903.583	67.146.384	6.523.049.967	8.093.011.603
- Chi phí khác bằng tiền	7.326.491.942	643.921.956	7.970.413.898	7.397.904.854
Cộng	66.566.268.216	6.679.736.808	73.246.005.024	64.076.044.491

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Đơn vị tính: VND

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	-	-	-	547.235.184
- Thanh lý tài sản cố định chưa thu được bằng tiền	1.839.000.000	-	1.839.000.000	-
- Tăng vốn điều lệ không bằng tiền	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014			Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Cộng	
Tiền lương	979.045.505	414.594.866	1.393.640.371	820.290.171
Phụ cấp	-	-	-	12.000.000
Tiền thưởng	-	-	-	49.023.180
Thù lao HĐQT, BKS	104.000.000	24.000.000	128.000.000	392.051.081
Cộng	1.083.045.505	438.594.866	1.521.640.371	1.273.364.432

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì.
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì.
- Dịch vụ: Cho thuê tài sản và dịch vụ khác.
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Từ 01/4/2013 đến 31/3/2014					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	48.952.351.987	27.781.489.043	3.506.337.166	1.284.175.746	81.524.353.942
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	44.036.009.835	32.614.479.728	3.396.964.404	1.037.572.525	81.085.026.492
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.916.342.152	(4.832.990.685)	109.372.762	246.603.221	439.327.450
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.045.616.107	-	-	412.776.000	2.458.392.107
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.599.852.526	907.949.948	114.593.521	602.232.342	3.224.628.337
Số dư tại 31/3/2014					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	61.224.614.874	16.010.222.037	4.002.555.509	10.521.987.229	91.759.379.649
- Tài sản không phân bổ					10.441.364.439
Tổng tài sản	61.224.614.874	16.010.222.037	4.002.555.509	10.521.987.229	102.200.744.088
- Nợ phải trả bộ phận	51.857.571.360	13.751.783.310	3.437.945.828	2.763.699.088	71.810.999.586
- Nợ phải trả không phân bổ					1.245.753
Tổng nợ phải trả	51.857.571.360	13.751.783.310	3.437.945.828	2.763.699.088	71.812.245.339

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013

- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.984.232.214	1.786.432.095	922.779.223	254.950.435	9.948.393.967
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	7.385.477.035	2.107.459.746	845.917.793	275.094.685	10.613.949.259
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(401.244.821)	(321.027.651)	76.861.430	(20.144.250)	(665.555.292)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	808.767.061	-	-	-	808.767.061
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	514.667.875	137.244.767	34.311.192	129.904.521	816.128.355

Số dư tại ngày 31/3/2013

- Tài sản trực tiếp của bộ phận	42.500.914.661	10.717.928.445	2.679.482.111	10.389.645.762	66.287.970.979
- Tài sản không phân bổ					8.900.981.285

Tổng tài sản

	42.500.914.661	10.717.928.445	2.679.482.111	10.389.645.762	75.188.952.264
- Nợ phải trả bộ phận	32.805.337.011	8.617.121.679	2.154.280.420	3.684.932.112	47.261.671.222
- Nợ phải trả không phân bổ					6.145.753

Tổng nợ phải trả

	32.805.337.011	8.617.121.679	2.154.280.420	3.684.932.112	47.267.816.975
--	-----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	-----------------------

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/3/2014		01/01/2013		31/3/2014	01/01/2013
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.867.623.577	-	30.383.233.328	-	7.867.623.577	30.383.233.328
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.971.846.936	-	30.113.387.248	(3.123.065)	14.971.846.936	30.110.264.183
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.000.000.000	-	1.200.000.000	1.000.000.000
Cộng	24.039.470.513	-	61.496.620.576	(3.123.065)	24.039.470.513	61.493.497.511

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/3/2014	01/01/2013	31/3/2014	01/01/2013
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.086.931.989	8.261.126.799	2.086.931.989	8.261.126.799
Vay và nợ	61.305.638.090	58.112.969.881	61.305.638.090	58.112.969.881
Chi phí phải trả	9.000.000	760.885.710	9.000.000	760.885.710
Các khoản phải trả khác	3.395.056.939	3.859.822.485	3.395.056.939	3.859.822.485
Cộng	66.796.627.018	70.994.804.875	66.796.627.018	70.994.804.875

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số tại 31/3/2014				
Phải trả cho người bán	1.021.673.716	1.065.258.273	-	2.086.931.989
Vay và nợ	58.541.939.002	2.763.699.088	-	61.305.638.090
Chi phí phải trả	9.000.000	-	-	9.000.000
Các khoản phải trả khác	3.377.274.797	17.782.142	-	3.395.056.939
Cộng	62.949.887.515	3.846.739.503	-	66.796.627.018
Số tại 01/01/2013				
Phải trả cho người bán	7.407.373.013	853.753.786	-	8.261.126.799
Vay và nợ	54.197.729.513	3.915.240.368	-	58.112.969.881
Chi phí phải trả	760.885.710	-	-	760.885.710
Các khoản phải trả khác	3.282.848.507	576.973.978	-	3.859.822.485
Cộng	65.648.836.743	5.345.968.132	-	70.994.804.875

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và tại ngày 01 tháng 4 năm 2013, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của năm tài chính 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

* Toàn bộ Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã kiểm toán được đăng đầy đủ trên website: <http://www.vangthanglong.com.vn>.

* Cơ cấu cổ đông trình bày trong báo cáo là danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 06/5/2014 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty không có danh sách cổ đông tại thời điểm 31/3/2014.

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Phạm Xuân Hà